TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 25/6/2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Sĩ.

Ông Lê Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An– Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01/4/2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2024/QĐXXST-HN, ngày 06/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

Bị đơn: Anh Kiên S, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh S xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn ngày 28/5/2018 tại UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh S do mai mối, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang ngày cưới không có tặng cho.

Quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do cha chị mượn anh S 10.000.000 đồng không trả, từ đó anh S chửi chị, dẫn đến vợ chồng cải vã với nhau, anh S đánh chị nhiều lần…. đến tháng 11 năm 2020 chị bỏ trốn về nhà chị ruột sinh sống, sau đó đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương đến tháng 01 năm 2021 chị về thăm 02 con thì bị anh S đánh trúng vùng đầu, chảy máu mủi, anh nắm đầu chị đập vào tường, gia đình bên chồng thấy và chứng kiến nhưng không có ai ngăn cản. Do anh S luôn có hành vi bạo hành gia đình, nên không thể nào chung sống được, vợ chồng ly thân nhau hơn 03 năm, trong thời gian này chị và anh S chấm dứt không có liên lạc với nhau nên tình cảm không còn, nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kiên S.

- *Về nuôi con:* Chị và anh S chung sống sinh 02 người con tên Kiên T1, sinh ngày 19/4/2016 và Kiên N, sinh ngày 02/9/2018. Hai con đang sống với cha. Nay chị tự nguyện giao 02 con cho anh S nuôi dưỡng khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi 02 con, tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả:* Chị không tranh chấp, khởi kiện không. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, bị đơn anh Kiên S vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại biên bản ghi lời khai, Kiên T1, sinh ngày 19/4/2016 trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau, nguyện vọng của con xin được sống với cha.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh S; giao 02 con cho anh S nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc chị T nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh K S là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh Kiên S vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh S, chị T tự nguyện giao 02 con cho anh S nuôi dưỡng khi ly hôn, ngoài ra chị T không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị T và anh S xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/5/2018 tại UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị T khai: Quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do cha chị mượn anh S 10.000.000 đồng không trả, từ đó anh S chửi chị, dẫn đến vợ chồng cải vã với nhau, anh S đánh chị nhiều lần…. đến tháng 11 năm 2020 chị bỏ trốn về nhà chị ruột sinh sống, sau đó đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương đến tháng 01 năm 2021 chị về thăm 02 con thì bị anh S đánh trúng vùng đầu, chảy máu mủi, anh nắm đầu chị đập vào tường, gia đình bên chồng thấy và chứng kiến nhưng không có ai ngăn cản. Do anh S luôn có hành vi bạo hành gia đình, nên không thể nào chung sống được, vợ chồng ly thân nhau hơn 03 năm, trong thời gian này chị và anh S chấm dứt không có liên lạc với nhau nên tình cảm không còn, nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kiên S.

- *Đối với anh Kiên S*: Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh S nhận để anh tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/4/2024 và ngày 03/5/2024 anh S đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng không tiến hành được. Ngày 25/6/2024 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh S tiếp tục vắng mặt nên phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng tại phiên tòa không tiến hành được, tại biên bản ghi lời khai đề ngày 06/5/2024 anh S đồng ý ly hôn với chị T, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh S xảy ra từ tháng 11 năm 2020 đến nay, anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã sống ly thân nhau hơn 03 năm, tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn với anh S, tại biên bản ghi lời khai đề ngày 06/5/2024 anh S cũng đồng ý ly hôn với chị T, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh S là đúng quy định pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy chị T và anh S chung sống sinh 02 người con tên Kiên T1, sinh ngày 19/4/2016 và Kiên N, sinh ngày 02/9/2018, hai con đang sống với anh S. Trong 03 năm vợ chồng sống ly thân, anh S vẫn nuôi dưỡng chăm sóc các con chu đáo về mọi mặt, tại phiên tòa chị T tự nguyện giao 02 con cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp với yêu cầu của anh S đồng thời phù hợp với nguyện vọng của Kiên T1 là xin được sống với cha. Để tạo điều kiện cho các con có cuộc sống ổn định, nhằm phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao 02 con cho anh S nuôi dưỡng khi ly hôn là đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 228; 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Kiên S.

- *Về nuôi con:*

+ Anh Kiên S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con tên Kiên T1, sinh ngày 19/4/2016 và Kiên N, sinh ngày 02/9/2018, khi ly hôn.

+ Chị Nguyễn Thị Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi các con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Nguyễn Thị Kim T nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo

biên lai thu tiền số 0001199, ngày 01/4/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Nguyễn Thị Kim T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Kiên S vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND thị trấn M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.